

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/05/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	19	0		18	0	
2		BK16+P10+TTC2	7:25	6+12+4	0+0+0		2+16+1	0+0+0	
3		CTK3+BK20+BK9	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+0	0+0+0	chuyen 1 CTK3-bk9, chuyen 2 CTK3-bk20
4		PVD2+GTC1+BK5	9:25	15+7+0	0+0+0		14+8+1	0+0+0	
5		CTK3+BK8+PPD	9:25	14+0+8	0+0+0		13+0+9	0+0+0	chuyen 1 bk8-ppd
6		VSP01+CTK3+BK16	11:25	6+12+4	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
7		TD1-TTC2+P8+AMD	11:25	0+3+11+3	0+0+0		1+4+12+0	0+0+0	1 nguoi nha tdl mat
8		TD2	11:25	18	0		16	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/10 nguoi rp3 về qua PVD2
2/ đi về trong ngày TTC2-4ng, bk16-4ng



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:36
FLIGHT: 01	TO: TD2	CREW: Hoài - CHIẾN	ETA: 10:45
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH THẮNG	TD2	53	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC THỌ	TD2	52	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	51	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGỌC DŨNG	TD2	43	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH ANH	TD2	41	1	4	53	70	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	50	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN NINH-PVD	TD2	48	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN HUY	TD2	45	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ ANH QUÂN	TD2	47	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM THANH GIANG	TD2	44	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TD2	46	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG MINH KHAI	TD2	39	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MINH	TD2	40	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN BƯU TÂM	TD2	49	1	11		110	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HUNG CUONG	TD2	42	1	4		100	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN THIÊN	TD2	54	1	6		60	MI-SWASO	Vietnamese
17	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	55	1	8		100	D-HANH	Vietnamese
18	PHAN QUANG HÒA	TD2	56	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO DUY TÚ	TD2	57	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	19	109	1.435	53	18		
	TOTAL	19	19	109	1.435	53	18		
	WEIGHT KG			109	1.435	53			

GRAND TOAL: 1.597 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2021	TO: BK16 - P10 - TTC2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - Linh - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	BK16				35	71	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG VINH	BK16	900,01	2	16		80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VAN THINH	BK16	02	1	5		75	NIPI	Vietnamese
4	BUI DINH PHI	BK16					60	NIPI	Vietnamese
5	LUU ĐỨC TUAN	BK16	05	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN HUNG	BK16					75	KH-THAC	Vietnamese
7	VANEEV	P10	15	1	9	50	101	KHOAN	Russian
8	NGUYEN VAN XUAN	P10	19-20	2	6		61	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN MINH HIEU	P10	17	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM QUANG NGU	P10	16	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TAN PHUOC	P10	18	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN ĐỨC DUC	P10	22	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG TRUNG HIEU-PVD	P10	26	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
14	VU VAN HOA	P10	28	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DINH CUONG-PVDT	P10	25	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NGAN	P10	23-24	2	10		66	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM XUAN HUY	P10	27	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN SON	P10	21	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
19	HUYNH XUAN TRUONG	TTC2				20	72	D-HANH	Vietnamese
20	BRANCHUCKOV	TTC2	23	1	2		72	D-HANH	Russian
21	ĐAO TRUNG KIEN	TTC2					65	KH-THAC	Vietnamese
22	IATSENKO	TTC2	22	1	2		102	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	6	4	24	431	35	2		
2	P10	12	14	68	827	50	16		
3	TTC2	4	2	4	311	20	1		
TOTAL		22	20	96	1.569	105	19		
WEIGHT KG				96	1.569	105			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - BK20 - BK9	CREW: ATUÂN - Hồi - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN XUAN PHUC	CTK3					70	DIEU PHA	Vietnamese
2	BOGDANOV	CTK3	16	1	5		75	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN HOANG HA	CTK3	34	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	VU CONG KHANG	CTK3	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN DU	CTK3	05	1	5	60	55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	03	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN BA HUE	CTK3	10	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
9	LE THANH CHUNG	CTK3	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HAI	CTK3	12	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN KHUONG	CTK3	15	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐAM VAN THANH	CTK3	13-14	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	07	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN SON HA	CTK3	21	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TU THANG	CTK3	33	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI HUU HUAN	CTK3	06	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUOC KHIEM	CTK3					90	KH-THAC	Vietnamese
18	LE CANH HUNG	CTK3	04	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	VU TRUNG KIEN	CTK3	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	35	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	LE MINH DUC	CTK3	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HE	CTK3	11	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	21	100	1.503	60	19 + 3		chuyen 02 pax tu CTK3 sang BK20, CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG BK9
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	BK9	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	21	100	1.503	60	20		
WEIGHT KG				100	1.503	60			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: PVD2 - GTC1 - BK5	CREW: TTrung - Linh - HIẾU	ETA: 11:10
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THE TAM	PVD2	68-69	2	16		83	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN QUOC DAI	PVD2	62-63	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH HUU CAN	PVD2	60	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DUC SANG	PVD2	78	1	12	39	69	KH-THAC	Vietnamese
5	VU ANH TUAN	PVD2					70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN GIA CUONG	PVD2	61	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN NAM THANG	PVD2	65	1	13		109	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NAM	PVD2	76-77	2	18		63	DVL	Vietnamese
9	VU VAN NAM	PVD2	75	1	14		65	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEU	PVD2	72	1	17		90	DVL	Vietnamese
11	PHAN DANG TUAN	PVD2	74	1	10		59	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VIET PHONG LUU	PVD2	70-71	2	15		86	XAYLAP	Vietnamese
13	LE VAN DUNG	PVD2	73	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG QUE	PVD2	66-67	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM VAN DUC	PVD2				16	80	PSV	Vietnamese
16	LE VAN LAM	GTC1	17	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU TAN	GTC1	13	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HONG MINH	GTC1	15-16	2	17		89	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BAC	GTC1	12	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG TIEN TOAN	GTC1	19	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
21	TRAN PHU	GTC1	18	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
22	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	14	1	3		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	15	18	181	1.141	55	14		
2	GTC1	7	8	65	502	0	6		
3	BK5	0	0	0	0	0	1		
	TOTAL	22	26	246	1.643	55	21		
	WEIGHT KG			246	1.643	55			

GRAND TOAL: 1.944 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: CTK3 - BK8 - PPD	CREW: Hồi - N.Anh - Huy	ETA: 11:15
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	49-50	2	8		79	KH-THAC	Vietnamese
2	VU HUU HA	CTK3	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	DO HUU DUC	CTK3	52	1	7		91	KH-THAC	Vietnamese
4	DO VAN BINH	CTK3				10	78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MUOI	CTK3	54	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG VAN BINH	CTK3	51	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC TUAT	CTK3	41-42	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM MANH HAI	CTK3	43	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN DUC HUNG	CTK3	46	1	15		76	XAYLAP	Vietnamese
10	VU QUOC VUONG	CTK3	37-38	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG TRUNG	CTK3	47-48	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
12	LE XUAN HIEN	CTK3	36	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN KHA	CTK3	39	1	5	17	72	XAYLAP	Vietnamese
14	DINH QUANG DUNG	CTK3	44-45	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN THAI HOA	PPD	92	1	10		57	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC LUU	PPD	91	1	5		71	PSV	Vietnamese
17	QUACH SY TY	PPD	94	1	5	8	71	PSV	Vietnamese
18	PHAN THANH HAI	PPD	93	1	4		68	PSV	Vietnamese
19	VU THE LIEN	PPD	95	1	5	26	69	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KIEN	PPD	96	1	4		71	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN GIANG	PPD	98	1	3	40	61	PSV	Vietnamese
22	LUONG MANH GIANG	PPD	97	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	18	140	1.015	27	13		CHUYEN 1 PAX BK8 SANG PPD
2	BK8	0	0	0	0	0	0	1	
3	PPD	8	8	41	536	74	9		
TOTAL		22	26	181	1.551	101	22		
WEIGHT KG				181	1.551	101			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 06	TO: VSP01 - CTK3 - BK16	CREW: Nam - Mạnh - Vũ	ETA: 13:10
cam-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CAO	VSP01	70	1	15		68	CODIEN	Vietnamese
2	TRAN CAO TUAN	VSP01	69	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC BIEU	VSP01	66	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
4	PHAM XUAN HAI	VSP01	68	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
5	DO DUY TIEN	VSP01	71	1	13		82	CODIEN	Vietnamese
6	HA QUANG HUY	VSP01	67	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
7	DINH XUAN TOAN	CTK3	64	1	6	18	60	T-TIN	Vietnamese
8	TRAN BAO CHUONG	CTK3	65	1	12		65	T-TIN	Vietnamese
9	PHAN TAT THANG	CTK3	56	1	5		65	YTE	Vietnamese
10	PHAN VAN TUAN	CTK3	62	1	5	35	75	PSV	Vietnamese
11	BUI DUC KHANH	CTK3	66	1	6		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THONG	CTK3	57	1	5		63	PSV	Vietnamese
13	VUONG DINH DONG	CTK3	58	1	5		90	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN THU TRANG	CTK3	61	1	5		78	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN BAC	CTK3					70	PSV	Vietnamese
16	PHAM DUC CANH	CTK3	60	1	4		55	PSV	Vietnamese
17	TRAN VAN CAN	CTK3	59	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	LE MINH THANG	BK16	06	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG VAN HOI	BK16	07	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN TIEN LU	BK16	08	1	9		65	NIPI	Vietnamese
21	VU DINH CHIEN	BK16	09	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	6	6	66	425	0	0		
2	CTK3	11	10	58	751	53	14		
3	BK16	4	4	26	265	0	7		
TOTAL		21	20	150	1.441	53	21		
WEIGHT KG				150	1.441	53			

GRAND TOAL: 1.644 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:35
FLIGHT: 7	TO: TD1 - TTC2 - P8 - AMD	CREW: Hôi - N.Anh - Toan	ETA: 13:15
XANH - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN ĐỨC	TTC2	18	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIẾU	TTC2	20-21	2	14	60	74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC TRI	TTC2	19	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ ĐỨC THUẬN	P8	13	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
5	THÂN VĂN KIẾN	P8	98	1	13		66	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN HUY ANH	P8	11-12	2	20		94	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HAO	P8	16	1	7	5	73	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN LINH	P8	17	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
9	LUƠNG VĂN THỨC	P8	10	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH HOÀN	P8	14-15	2	12		66	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN TUÂN VIỆT	P8	92-93	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC ĐĂNG	P8	96-97	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LONG	P8	94-95	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI VĂN HỘI	P8	99	1	16		54	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN MINH THAI	AMD	66-67	2	14		76	XAYLAP	Vietnamese
16	PHÙNG THIE TAI	AMD	58	1	10	40	64	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN QUANG TRUNG	AMD	59-60	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	0	0	0	0	0	1		
2	TTC2	3	4	32	222	60	4		
3	P8	11	16	156	753	5	12		
4	AMD	3	5	44	209	40	0		
TOTAL		17	25	232	1.184	105	17		
WEIGHT KG				232	1.184	105			

GRAND TOAL: 1.521 KGS

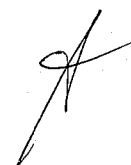
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2021	TO: TD2	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:29
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HHai - TRƯỜNG	ETA: 14:40
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH TUÂN	TD2	66	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN TRỌNG	TD2	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2					66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HAI	TD2	62	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ XUÂN LINH	TD2	75	1	12		82	CODIEN	Vietnamese
6	LÊ ANH TUÂN	TD2	76-77	2	12	92	72	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN HOÀN	TD2	71	1	9		55	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY BAI	TD2	78	1	13		80	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN BÌNH KHA	TD2	72-73	2	12		66	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN THỊ DƯ	TD2	80	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC HÙNG	TD2	74	1	9		90	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN MINH	TD2	82	1	12		84	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	TD2	86-87	2	12		65	T-TIN	Vietnamese
14	VŨ THANH NHẬT	TD2	70	1	8		82	GETRACO	Vietnamese
15	DƯƠNG VŨ THĂNG	TD2	69	1	6		65	GETRACO	Vietnamese
16	PHẠM HÙNG SƠN	TD2	68	1	5		57	YTE	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN CÔNG	TD2	65	1	7		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN DẠNG HÙNG	TD2	63-64	2	15		60	MINH V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	21	159	1.251	92	16		
	TOTAL	18	21	159	1.251	92	16		
	WEIGHT KG			159	1.251	92			

GRAND TOAL: 1.502 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN